

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty Honda Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: Phường Phúc Thắng – Thành phố Phúc Yên- Tỉnh Vĩnh Phúc
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô hai bánh
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: SH300i ABS
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): SH300AK ED
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 19KXM/410721
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: RDW-134/2014-0073680/18 ngày: 21/09/2018

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 169 kg
 - 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 349 kg
 - 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: NF05E Loại động cơ: 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 279 cm³
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 18,5/7500 kW/rpm
 - 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí/~~ phun nhiên liệu/ khác
 - 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí/~~Tự động
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: -
 - 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 8,571
 - 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 110/70-16M/C áp suất lốp: 220 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 130/70R-16M/C áp suất lốp: 250 kPa
 - 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 128 km/h
- ### 3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu
- 3.1. Chu trình thử: WMTTC Stage 2 (TCVN 9726:2013)
 - 3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 3,0 (l/100 km)



4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

Kích thước nhãn: 50x70 (mm)

NHÃN NĂNG LƯỢNG

X,X
Lít/100km

SỐ BCTN:

NHÃN HIỆU:

TÊN THƯƠNG MẠI:

NHA NHẬP KHẨU):

DUNG TÍCH XY LẠNH:

QUY CHUẨN ÁP DỤNG:

CHU TRÌNH THỬ:

Ghi chú: Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.

5. Ghi chú (nếu có):

Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 11 năm 2019
Cơ sở sản xuất, nhập khẩu
(Ký tên, đóng dấu)



NGUYỄN SƠN NAM
TRƯỞNG KHỐI
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG XE MẪU

Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm